

Câu 1. (4,0 điểm) Tìm tất cả các hàm số $f: \mathbb{R} \rightarrow \mathbb{R}$ thỏa mãn điều kiện

$$f(x + f(y)) = 4f(x) + f(y) - 3x \quad \text{với mọi } x, y \in \mathbb{R}.$$

Câu 2. (4,0 điểm) Cho đa thức $P(x) = x^2 + ax + b$ với a, b là các số nguyên. Biết rằng với mọi số nguyên tố p , luôn tồn tại số nguyên k để $P(k)$ và $P(k + 1)$ đều chia hết cho p . Chứng minh rằng tồn tại số nguyên m để $P(m) = P(m + 1) = 0$.

Câu 3. (5,0 điểm) Với mỗi số nguyên dương x , kí hiệu $s(x)$ là số chính phương lớn nhất không vượt quá x . Cho dãy số (a_n) được xác định bởi $a_1 = p$ (p là số nguyên dương) và

$$a_{n+1} = 2a_n - s(a_n) \quad \text{với } \forall n \geq 1.$$

Tìm tất cả các số nguyên dương p để dãy số (a_n) bị chặn.

Câu 4. (5,0 điểm) Cho tam giác nhọn ABC , ω, γ lần lượt là đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp tam giác. D là tiếp điểm của γ và BC . M thay đổi trên cung nhỏ BC . Từ M kẻ các tiếp tuyến ME, MF với γ (E, F là các tiếp điểm). P đối xứng với D qua tâm của γ . H là trực tâm tam giác PEF .

a) Chứng minh rằng H luôn thuộc một đường tròn cố định.

b) Lấy B_1, C_1 lần lượt thuộc tia đối của các tia CA, BA ($B_1 \neq C, C_1 \neq B$). Qua B_1 kẻ tiếp tuyến (khác AC) với γ , cắt BC, BA lần lượt tại A_1, C_2 . Qua C_1 kẻ tiếp tuyến (khác AB) với γ , cắt CB, CA lần lượt tại A_2, B_2 . Giả sử B_1C_2, C_1B_2, AM đồng quy và đường tròn ngoại tiếp các tam giác $MA_1A_2, MB_1B_2, MC_1C_2$ theo thứ tự cắt ω lần thứ hai tại X, Y, Z . Chứng minh rằng AX, BY, CZ đồng quy.

Câu 5. (2,0 điểm)

Cho các số thực không âm x, y, z thỏa mãn điều kiện $x + y + z = 2$. Chứng minh rằng

$$\frac{1}{x^2 - xy + y^2} + \frac{1}{y^2 - yz + z^2} + \frac{1}{z^2 - zx + x^2} \geq 3.$$

Hết